

Số: 886 /QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I/2019-2020

Khóa: 2018 T4 – Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-LTT-KHTC ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKI/2019-2020;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I năm học 2019-2020 ngày 19 tháng 8 năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề HKI/2019-2020 cho 48 sinh viên Khóa 2018 T4 – Trung cấp, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học nghề;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.00 và KQRL ≥ 95 = 03 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 21 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.01 và KQRL ≥ 70 = 20 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.58 và KQRL ≥ 91 = 04 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ I (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKII/2019-2020, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 500.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 425.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 250.000đ/tháng/SV;
- Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.TTGD.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đôi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Huỳnh Tấn	Hung	18004146	18T4-CĐT1	9,42	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
2	Nguyễn Đình	Quý	18000878	18T4-CCK1	9,05	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
2	Huỳnh Thị	Vy	18002254	18T4-KTD1	9,22	95	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
	Cộng =		2										7.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Huỳnh Quốc	Hào	18002662	18T4-ĐĐT1	8,33	89	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
2	Lê Nam	Thịnh	18000307	18T4-CĐT1	8,68	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
3	Lê Nguyễn Xuân	Thiện	18000362	18T4-CĐT1	8,03	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
4	Tô Chí	Trung	18001267	18T4-CKC1	8,54	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
5	Quách Phúc	Trung	18000530	18T4-CKC1	8,43	93	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
6	Huỳnh Hữu	Phấn	18000806	18T4-CNÔ3	8,43	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
7	Nguyễn Tú	Phương	18004629	18T4-CNM1	8,18	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
8	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	18000608	18T4-CNM1	8,70	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
9	Nguyễn Thị Như	Tiên	18002805	18T4-CNM1	8,51	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
10	Ngô Hoài Diễm	Trình	18002718	18T4-CNM1	8,51	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
11	Nguyễn Tuấn	Dũng	18000837	18T4-LTM1	8,09	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
12	Nguyễn Tuyền	Hưng	18005314	18T4-QTM1	8,15	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	



Handwritten signature

A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
13	Lê Phan Khánh	Thy	18000158	18T4-KTD1	9,02	88	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
14	Lê Thục	Uyên	18005112	18T4-KTD1	8,97	94	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
15	Nguyễn Hồng	Ngân	18001106	18T4-QTD1	8,32	91	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
16	Dương Kim	Ngân	18000997	18T4-QTD1	8,26	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
17	Lý Hồng Tuyết	Sương	18000079	18T4-QTD1	8,83	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
18	Phạm Ngọc Kim	Ngân	18001023	18T4-QTD2	8,36	85	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
19	Từ Thanh	Thảo	18000387	18T4-NNA1	8,41	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
20	Đỗ Phương	Anh	18000924	18T4-NNA2	8,02	83	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
21	Nguyễn Lê Minh	Trang	18000782	18T4-NNA2	8,70	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
	Cộng =		21										44.625.000	

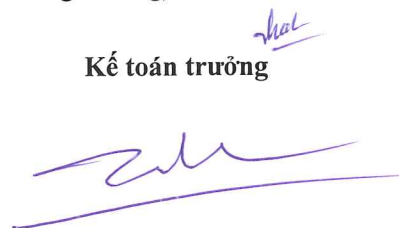
Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Lộ Minh	Hiếu	18001053	18T4-KTD1	8,96	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
2	Đình Võ Khánh	Quỳnh	18005154	18T4-QTD2	8,78	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
3	Hồ Ngọc Bảo	Khanh	18000077	18T4-QTM1	8,58	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
4	Nguyễn Công	Hiếu	18001369	18T4-CNÔ5	8,57	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
5	Trần Thị Tuyết	Mai	18000336	18T4-KTD1	8,48	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
6	Trần Văn	Tú	18000981	18T4-ĐĐT1	8,47	76	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
7	Nguyễn Thị Bích	Quỳên	18003378	18T4-KTD1	8,35	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
8	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	18001132	18T4-KTD1	8,35	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
9	Nguyễn Đình	Khánh	18000822	18T4-ĐĐT1	8,34	76	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
10	Nguyễn Ngọc Băng	Băng	18001170	18T4-THU1	8,32	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
11	Mai Thị Uyên	Phương	18003535	18T4-NNA3	8,32	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
12	Nguyễn Mạnh Hoàng	Quân	18000112	18T4-NNA1	8,32	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
13	Lê Quốc	Đạt	18000792	18T4-ĐCN1	8,30	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
14	Nguyễn Quốc	Huy	18001312	18T4-CNÔ5	8,18	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	



2

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
15	Nguyễn Hoài Tú	Chi	18001152	18T4-KTD1	8,16	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
16	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	18000894	18T4-QTD2	8,12	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
17	Vũ Thị Như	Quỳnh	18003060	18T4-QTD2	8,09	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
18	Nguyễn Thị Minh	Huệ	18004199	18T4-NNA3	8,07	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
19	Đoàn Hoàng	Gia	18001438	18T4-CNÔ5	8,03	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
20	Kiều Hoàng Thanh	Tín	18000975	18T4-CNÔ4	8,01	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
21	Lê Nguyễn Kim	Trọng	18001005	18T4-CĐT1	7,84	100	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
22	Nguyễn Hồng	Minh	18000039	18T4-QTD1	7,71	99	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
23	Nguyễn Thị Quế	Trân	18000807	18T4-QTD1	7,52	93	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
24	Hoàng Vĩnh	Kiệt	18004562	18T4-CKC1	7,58	91	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
	Cộng = 24												30.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc